

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHÙNG THỊ TUỆ MINH

**LỄ HỘI TRÒ TRÁM:
NHÀ NƯỚC, CỘNG ĐỒNG VÀ SỰ PHỤC HỒI**

Chuyên ngành: Văn hóa học

Mã số: 60310604

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HÓA HỌC

HÀ NỘI, 2017

Công trình được thực hiện tại: Học viện KHXH

Người hướng dẫn khoa học: TS. Vũ Hồng Thuật

Phản biện 1:.....

.....

Phản biện 2:.....

.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước hội đồng chấm luận văn thạc sĩ tại : Học viện Khoa học xã
hội.....giờ..... ngày..... thángnăm.....

Có thể tìm hiểu luận văn tại: Thư viện Học viện Khoa học xã hội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Lễ hội là sự kết tinh từ văn hóa làng truyền thống với nghi lễ mang tính tâm linh. Nó có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống nhân dân, nhất là cộng đồng làng xã nông thôn Việt Nam xưa cũng như nay.

Trong khoảng một thời gian dài (1945 - 1960), lễ hội vì nhiều lý do mà không được tổ chức, hoặc có được tổ chức thì cũng vô cùng hạn chế, trong đó có lễ hội làng Trám xã Tứ Xã huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Về sau, được sự quan tâm của các cấp chính quyền, lễ hội Trò Trám chính thức được phục hồi vào năm 1993, sau gần 50 năm bị gián đoạn. Do có sự tác động của nhiều yếu tố đến lễ hội Trò Trám nên nó đã có nhiều thay đổi so với lễ hội truyền thống trước năm 1944.

Từ khi lễ hội Trò Trám được phục hồi đến nay đã có không ít các bài viết đăng trên tạp chí, báo cáo khoa học, luận văn, sách... về lễ hội Trò Trám ở nhiều khía cạnh, với nhiều chuyên ngành khác nhau, như: Diễn trình lễ hội, âm nhạc sử dụng trong trình diễn trò “tứ dân chi nghiệp”, tín ngưỡng “phồn thực”... Chúng tôi đặt câu hỏi giả thiết, vì sao lễ hội Trò Trám được phục hồi; chính quyền cũng như người dân đã phục hồi nó ra sao; sự đồng thuận hay phản đối của người dân trong quá trình phục hồi và tổ chức lễ hội; những câu chuyện xung quanh việc phục hồi và tổ chức hội Trám như thế nào thì cho đến nay vẫn chưa có một tác giả nào nghiên cứu.

Để giải quyết những câu hỏi nêu trên, bên cạnh nghiên cứu về quá trình phục hồi lễ hội Trò Trám, tác giả còn muốn chỉ ra sự tồn tại của mối quan hệ giữa nhà nước và cộng đồng trong việc phục hồi lễ hội. Trong mối quan hệ này, nhận thức của chủ thể văn hóa đồng thuận hay phản đối với chính quyền địa phương và cả những câu chuyện xung quanh vấn đề phục hồi và tổ chức lễ hội Trò Trám hiện nay.

Từ những lý do nêu trên, tôi mạnh dạn chọn ***Lễ hội Trò Trám: Nhà nước, cộng đồng và sự phục hồi*** làm đề tài luận văn thạc sĩ văn hóa học cho mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Về các công trình nghiên cứu, các bài viết liên quan đến quá trình phục hồi hay phục dựng lễ hội tính đến nay vẫn còn rất hạn hẹp. Tiêu biểu cho những người đi đầu trong việc đề cập đến vấn đề phục hồi các nghi lễ truyền thống là tác giả Lương Văn

Hy, Nguyễn Thị Phương Châm, John Kleinen, Nguyễn Thị Thu Sang, Nguyễn Hồng Phương... Những bài viết, những cuốn sách của các tác giả này dù ít hay nhiều đều có nói đến vấn đề phục hồi di tích, lễ hội tín ngưỡng, phong tục tập quán... và nó có giá trị về tư liệu tham khảo hết sức bổ ích giúp cho tác giả có sự nhìn nhận đa chiều hơn trong vấn đề phục hồi di tích lễ hội Trò Trám.

Các công trình nghiên cứu, các bài viết về lễ hội Trò Trám tính đến nay cũng tương đối nhiều nhưng chủ yếu chỉ được nghiên cứu ở một mặt hay một khía cạnh nào đó hoặc chỉ dừng lại ở việc miêu thuật lễ hội. Tiêu biểu có tác giả Dương Văn Thâm, Vũ Hồng Thuật, Dương Đình Minh Sơn, Lý Khắc Cung, Đặng Hoài Thu... Ngoài ra, còn có một số luận văn thạc sĩ và khóa luận tốt nghiệp cử nhân viết về lễ hội Trò Trám, như của: Nguyễn Thị Thanh Hoa, Trần Quang Đức...

Những công trình nghiên cứu trên của các tác giả đã tiếp cận lễ hội Trò Trám dưới nhiều góc độ và thể hiện những quan điểm khác nhau về lễ hội này. Đây là nguồn tư liệu vô cùng quý giá mà tác giả được kế thừa, học hỏi và trích dẫn. Với đề tài này, lợi thế bản thân là một người con của Tứ Xã và đã được nhiều lần tham dự lễ hội cũng như đưa Trò Trám về trình diễn tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (năm 2009). Từ đó, tác giả mong muốn đưa ra một cái nhìn khá toàn diện về quá trình phục hồi lễ hội Trò Trám; mối quan hệ giữa Nhà nước và cộng đồng; những mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình phục hồi và cuối cùng là đi đến sự đồng lòng thống nhất để có lễ hội Trò Trám như hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề tài có 2 mục đích chính:

Một là, cung cấp một cách có hệ thống các tư liệu thứ cấp liên quan đến lễ hội Trò Trám xưa và nay.

Hai là, tìm hiểu vai trò của Nhà nước, cộng đồng trong việc phục hồi di tích lễ hội.

Nhiệm vụ nghiên cứu chính của luận văn là quá trình phục hồi lễ hội Trò Trám; những câu chuyện xung quanh vấn đề phục hồi, duy trì lễ hội Trò Trám từ năm 1993 đến nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là quá trình phục hồi lễ hội Trò Trám; mối quan hệ giữa Nhà nước với cộng đồng; những câu chuyện xung quanh việc phục hồi.

Phạm vi không gian nghiên cứu của luận văn là lễ hội làng Trám xã Tứ Xã huyện Lâm Thao tỉnh Phú Thọ. Phạm vi nghiên cứu về thời gian phục hồi lễ hội là từ năm 1992 đến năm 1993 lễ hội Trò Trám chính thức được phục hồi sau gần 50 năm bị gián đoạn.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành luận văn, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành Khoa học xã hội với những phương pháp chính:

Phương pháp thu thập và phân tích tài liệu thứ cấp: Trong quá trình thu thập tư liệu, tác giả sưu tầm các tài liệu từ nhiều nguồn thông tin khác nhau, như: Các báo cáo khoa học của hội thảo, hội nghị; hồ sơ xếp hạng di tích lịch sử văn hóa; các bản viết tay, đánh máy của cá nhân tham gia thảo luận trong các cuộc họp tại địa phương bàn về phục hồi lễ hội và tổ chức lễ hội; các văn bản liên quan đến Chính sách, Chỉ thị, Quyết định, Nghị định của Trung ương, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh; băng video, ảnh chụp hiện đang lưu giữ tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

Phương pháp điền dã dân tộc học; phương pháp quan sát tham dự, phỏng vấn sâu theo hồi cố là biện pháp mà tác giả sử dụng chủ đạo trong quá trình đi thực địa.

Đồng thời, tác giả cũng sử dụng phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp, bình luận thông qua phương thức thảo luận nhóm, nhằm thu thập những nhóm ý kiến, bàn luận khác nhau về vấn đề phục hồi lễ hội Trám.

Ngoài ra, tác giả còn sử dụng tiếng nói của chủ thể văn hóa vào trong luận văn để có cách nhìn khách quan hơn về quá trình phục hồi và tổ chức lễ hội trước đây cũng như bây giờ. Công cụ nghiên cứu tác giả thường dùng là ghi chép cẩn thận vào sổ, dùng máy ảnh chụp ảnh, quay phim, thu âm các cuộc phỏng vấn được xem là công cụ đặc lực trong nghiên cứu điền dã.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn là công trình nghiên cứu chuyên sâu trên phương diện văn hóa học đầu tiên về quá trình phục hồi lễ hội Trò Trám. Thông qua những câu chuyện xung quanh việc phục hồi; chuyện của chính quyền; chuyện của người dân,... để từ đó thấy được mối quan hệ giữa Nhà nước với cộng đồng trong vấn đề phục hồi tổ chức lễ hội được thương thảo, giải quyết như thế nào.

Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp phần làm cơ sở khoa học cho việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của lễ hội Trò Trám theo ý nguyện của chủ thể cộng đồng, nhằm gìn giữ bản sắc văn hóa của các bậc tiền nhân làng cổ Tứ Xã xưa đã sáng tạo, vun đắp và trao truyền cho thế hệ mai sau.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn có cơ cấu theo ba chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Cơ sở khái niệm và địa bàn nghiên cứu

Chương 2: Quá trình phục hồi lễ hội Trò Trám

Chương 3: Lễ hội Trò Trám và một số vấn đề bàn luận

Chương 1: CƠ SỞ KHÁI NIỆM VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

1.1. Cơ sở khái niệm

Về thuật ngữ *Lễ hội, Nhà nước, Cộng đồng, Phục hồi*, cho đến nay đã có rất nhiều khái niệm khác nhau. Tùy theo góc độ tiếp cận và quan điểm nhìn nhận mà mỗi người lại đưa ra một khái niệm riêng. Trong luận văn này, tác giả không có tham vọng đưa ra được một khái niệm về mỗi thuật ngữ của riêng mình mà chỉ xin được sử dụng các khái niệm này trong cuốn đại từ điển tiếng Việt, và của một số nhà nghiên cứu để làm cơ sở giải quyết các vấn đề trong luận văn đặt ra.

Tác giả luận văn cho rằng, truyền thống nói chung và di sản trong lễ hội nói riêng cũng giống như bất cứ hiện tượng xã hội nào khác, nó đều có sự vận động. Sự vận động, biến đổi ấy là khách quan nếu nó phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của cộng đồng. Bởi vậy, quan điểm về phục hồi trong lễ hội Trò Trám được tác giả xem xét dựa trên sự vận động khách quan đặc biệt là ở góc độ thương thảo, giải quyết mâu thuẫn giữa chủ thể văn hóa/cộng đồng với Nhà nước và chính quyền diễn ra như thế nào.

1.2. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

1.2.1. Vị trí địa lý

Xã Tứ Xã huyện Lâm Thao tỉnh Phú Thọ, cách di tích đền Hùng khoảng 12km và cách thành phố Việt Trì 10km. Phía Bắc xã Tứ Xã giáp xã Sơn Vi; phía Nam giáp xã Vĩnh Lại và Bản Nguyên; phía Đông giáp xã Cao Xá; phía Tây giáp xã Sơn Dương và Kinh Kệ của huyện Lâm Thao tỉnh Phú Thọ. Toàn xã có tổng diện tích tự nhiên là 815,6 ha, trong đó diện tích đất canh tác nông nghiệp là 612 ha, đất thổ cư và đất chuyên dùng có 203,6 ha. Toàn bộ đất của xã trải dài 4km². Tính đến cuối năm 2015, toàn xã Tứ Xã có 2.420 hộ, 9.814 nhân khẩu, mật độ dân số đạt 1147 người/km².

Khí hậu xã Tứ Xã mang đặc trưng của vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia thành hai mùa rõ rệt. Nhiệt độ trung bình trong năm của xã Tứ Xã là 22⁰C, nhiệt độ cao nhất là vào tháng 7, có ngày lên tới 40⁰C, và mùa đông, vào tháng 12 âm lịch, nhiệt độ có thời điểm xuống tới 8⁰C.

Địa hình xã Tứ Xã thuộc vùng tiếp giáp giữa đồng bằng với trung du, miền núi nên không được bằng phẳng, có nhiều gò thấp và cả những khu vực ngập nước.

1.2.2. Lịch sử hình thành xã Tứ Xã

Tứ Xã xưa kia được gọi theo tên Nôm là Lỗ Cáp, có nghĩa là ốc đảo và tên tục theo tiếng địa phương là Kê Gáp, cư dân người Việt cổ đã định cư ở đây từ thời Hùng Vương thứ 18, di chỉ khảo cổ học Gò Mun đã được khai quật minh chứng cho nhận định này. Theo lời của các bậc cao niên trong làng, ông Ngô Quang Điện là người có công chiêu dân lập ấp, dạy dân cấy cày, mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho bách tính, sau khi ông mất, dân làng lập miếu thờ và tạc tượng ông dưới dạng Đức Chúa Ông đặt tại chùa Tổng để thờ cúng.

Bà Ngô Thị Thanh là con gái của ông Ngô Quang Điện. Bà có công dạy dân cấy cày, hàng năm mở ra hội Trò để khuyến khích bách tính lao động sản xuất nông nghiệp và thu hút người dân ở những nơi khác về xóm định cư. Khi bà mất, dân làng tưởng nhớ đến ân đức của Bà nên đã lập miếu thờ tại đôi trám mà nay gọi là miếu Trám.

Cơ cấu làng xã của xã Tứ Xã trước đây được phân chia theo *phiên* để quản lý. Lúc bấy giờ, xã Tứ Xã gồm 6 phiên: Nổ phiên (*xóm Nổ*), On phiên (*xóm On*), Nam phiên (*xóm Nam*), Cả phiên (*xóm Cả*), Bùì phiên (*xóm Bùì*), Cỗ Lãm phiên (*xóm Cỗ Lãm hay xóm Trám*)”.

Trước Cách mạng tháng Tám, Tứ Xã là một trong 10 làng của tổng Vĩnh Lại, bao gồm: Làng Thạch Cáp, Bản Nguyên, Đông Thịnh, Hùng Lãm, Quỳnh Lâm, Trân Vĩ, Trình Xá, Văn Diêm, Vân Cáp và Vĩnh Lại. Năm 1927 bốn làng là Thạch Cáp, Đông Thịnh, Trân Vỹ, Vân Cáp được tách ra từ tổng Vĩnh Lại để lập thành tổng Thạch Cáp, nhưng việc tách tổng chưa hoàn thành thì Cách mạng tháng Tám bùng nổ nên 4 làng này chỉ được gọi chung là Tứ Xã. Năm 1946 hợp nhất Tứ Xã với các làng Sơn Dương, Dụng Hiền và Thụy Sơn thành xã Việt Tiến. Đến năm 1948 xã Việt Tiến lại tách ra thành hai xã là Sơn Dương và Việt Tiến. Tháng 8 năm 1964 Chính phủ cho đổi tên xã Việt Tiến thành xã Tứ Xã và giữ nguyên tên gọi về mặt pháp lý giao dịch hành chính cho đến ngày nay.

1.2.3. Các hoạt động kinh tế

Giống như nhiều cư dân làng Việt khác, nhân dân Tứ Xã lấy nghề nông trồng lúa nước là chính. Ngoài ra người dân trong xã còn làm thêm các nghề phụ, như: Đan

lát, nuôi tằm, kéo kén, dệt vải, đánh bắt tôm cá, cua, ốc, ếch ở các ven hồ đầm để cải thiện bữa ăn hoặc mang bán lấy tiền mua các thực phẩm khác.

Chợ Gáp cũng được hình thành từ rất sớm để nhân dân trong và ngoài xã đến trao đổi hàng hóa phục vụ cho đời sống sinh hoạt.

Ở xã Tứ Xã, người dân ngoài làm kinh tế nông nghiệp còn làm nghề thủ công truyền thống mà nổi tiếng là nghề mộc, nghề nuôi và chế biến rắn. Việc phát triển ngành nghề thủ công không những góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân địa phương mà còn giúp các hộ gia đình có thêm nguồn thu nhập, ổn định đời sống văn hóa - xã hội.

Hiện nay, do áp dụng kỹ thuật canh tác, giống, cây trồng và hệ thống thủy nông tương đối tốt, các cơ sở hạ tầng: Đường, trường, trạm, điện, nước, chợ được đầu tư khang trang, sạch đẹp. Cuộc sống của người dân đang được đổi thay theo từng năm.

1.2.4. Đặc điểm văn hóa - xã hội

Với truyền thống là một làng Việt cổ được hình thành cách ngày nay hàng ngàn năm, nhân dân Tứ Xã còn lưu giữ được nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể rất đặc sắc do các bậc tiền nhân tạo lập. Ngoài những lễ hội mang tính văn hóa đậm chất dân gian vùng đất tổ Hùng Vương trên địa bàn xã còn có di chỉ khảo cổ học Gò Mun, đền Xa Lộ được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia.

Tứ Xã xưa là vùng quê nghèo nhưng có truyền thống hiếu học. Ngay từ thời phong kiến, Tứ Xã đã có nhiều người học hành đỗ đạt cao, tiêu biểu như Nguyễn Quang Thành, Chử Đức Cương... Theo các bậc cao niên trong làng, Nhất Nguyên Nguyễn Tất An chính là người đã soạn ra bài văn tế miếu Trò bằng chữ Nôm mà ngày nay các cụ trong ban tế của làng sử dụng đọc mỗi khi làng có tổ chức cúng tế, cầu đảo.

Cư dân xóm Trám sống trên dải đất hẹp. Một nửa phía Tây gọi là đất công (hay đất chùa), một nửa phía Đông gọi là đất tư, phía dưới là ao hồ và đồng ruộng chiêm trũng. Những hộ nghèo đều ở phía đất công, những hộ ở phía Đông cũng đa số là dân nghèo nhưng đời sống khá hơn vì có ruộng đất riêng.

Trước Cách mạng tháng 8 năm 1945, nhân dân phường Trám nhìn chung là nghèo khó chỉ có khoảng 30% số hộ trong phường có ruộng cày cấy. Đa phần số hộ trong làng không có ruộng đất, đến thời vụ phải đi làm thuê, ăn bữa sáng lo bữa tối. Tuy nghèo khó, nhưng người dân phường Trám đoàn kết thương yêu nhau như anh em một nhà, sẵn sàng giúp đỡ, bênh vực nhau khi có khó khăn hay bị đè nén áp bức.

Mỗi năm phường có ngày hội Trò Trám các gia đình trong phường đều tổ chức ăn tết lại, chào mời anh em con cháu và khách các nơi về xem hội Trò Trám. Dân phường Trám chia thành hai mảnh, mảnh trên và mảnh dưới. Hai mảnh phân công nhau chịu trách nhiệm đăng cai cho phần tổ chức lễ hội hàng năm. Quỹ chung của phường có 4 mẫu ruộng cấy và một mẫu hồ cá. Hàng năm, mang số ruộng, hồ ấy ra bán chương (cho đấu thầu) để lấy tiền chi phí cho việc cầu cúng và mở hội làng. Ngoài ra, còn có lệ “bầu ngôi bán chức” để lấy tiền ăn uống. Người dân trong phường được dự các cuộc tế lễ và ăn uống theo thể lệ “vọng phường”. Các thứ ngôi gồm: Ngôi trưởng và ngôi trùm những người đã có ngôi được gọi là *quan viên phường*, theo qui định ngôi trưởng phải sửa ba bữa rượu cho làng. Bữa tả đơn, bữa bát lớn, bữa bát con.

Hiện nay, những lệ tục nêu trên không còn nữa, chỉ là ký ức của những tầng lớp ở lứa tuổi 60 trở lên. Cuộc sống, kinh tế cũng như nhận thức của người dân đã thay đổi nên tục lệ cũng thay đổi theo cho phù hợp với nếp sống mới. Tuy nhiên, cuộc sống hiện đại ngày nay cũng phải dựa trên nền tảng của văn hóa truyền thống thì kinh tế, văn hóa, xã hội mới phát triển bền vững.

Tiểu kết chương 1

Lễ hội Trò Trám cũng ra đời với những nhu cầu và ước mong như bao lễ hội ở các làng quê khác. Trải qua sự biến thiên, thăng trầm của lịch sử, hội Trám cũng có lúc thịnh lúc suy, lúc được tổ chức lúc bị dẹp bỏ nhưng trong tâm thức của mỗi người dân phường Trám lễ hội này luôn luôn tồn tại. Thần miếu Trám là thần bảo hộ cho làng nên nó được bảo tồn, lưu giữ và kế thừa cho đến tận ngày nay.

Xuất phát từ đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội, phong tục tập quán và nhu cầu đời sống tâm linh của người dân địa phương là tiền đề để người dân địa phương kết hợp với các cơ quan ban ngành, tổ chức phi chính phủ góp công, góp của để phục hồi lại lễ hội Trò Trám đã bị gián đoạn gần 50 năm. Từ những tư liệu lưu truyền miệng trong dân gian đến tư liệu ghi chép của người dân địa phương, các nhà khoa học trong - ngoài nước và sự cởi mở của Nhà nước là những cứ liệu khoa học để phục hồi lễ hội vào năm 1993. Tuy lễ hội không mang đầy đủ nguyên bản như trước năm 1944, nhưng nó cũng tái hiện lại được những nét “hồn cốt” của lễ hội nông nghiệp vùng trung du Bắc Bộ hết sức đặc sắc. Vậy, quy trình lễ hội này được diễn ra như thế nào? Kết quả phục hồi và những thách thức sau khi phục hồi lễ hội đi vào hoạt động ra sao? Đó cũng là nội dung chính của luận văn quan tâm.

Chương 2: QUÁ TRÌNH PHỤC HỒI LỄ HỘI TRÒ TRÁM

2.1. Bối cảnh phục hồi lễ hội Trò Trám

2.1.1. Đối với Nhà nước

Dựa vào việc Nhà nước phục hồi lại tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương và nâng cấp tôn tạo khu di tích đền Hùng, hướng đến tổ chức lễ hội đền Hùng với tầm cỡ quốc gia. Năm 1993 nhà trưng bày thời đại Hùng Vương (nay là Bảo tàng Hùng Vương) trong quần thể di tích lịch sử đền Hùng được khánh thành và đưa vào hoạt động phục vụ công chúng. Nhiều di tích, văn hóa, lễ hội của các xã nằm trong vành đai bảo vệ cấp 1 của đền Hùng đều được phục hồi trong đó có lễ hội Trò Trám. Đây là một trong những lý do chính yếu để Ủy ban Nhân dân tỉnh giao cho Bảo tàng Hùng Vương cùng với Ban quản lý di tích đền Hùng triển khai công tác phục hồi lễ hội Trò Trám.

Nhân dân Tứ Xã ở giai đoạn từ 1945 - 1990, vẫn đang còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế, đời sống của người dân còn thiếu thốn mọi bề, Ủy ban xã thường xuyên phải đi vay nợ để cứu đói cho nhân dân. Quan điểm của chủ tịch xã muốn phục hồi lại lễ hội Trò Trám nhằm vừa để thực hiện chủ trương chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Văn hóa thể thao và du lịch tỉnh, Bảo tàng Hùng Vương, Ban quản lý di tích đền Hùng, phòng Văn hóa huyện vừa thông qua phục hồi lễ hội này để giới thiệu về xã Tứ Xã, từ đó có thể thuận lợi hơn trong việc tìm nguồn kinh phí hỗ trợ cho dân.

2.1.2. Đối với người dân

Việc phục hồi lễ hội trò trám cần phải dựa vào nhiều nguồn tư liệu trong đó có một nguồn tư liệu mà các nhà nhân học bảo tàng Mỹ gọi là “Báu vật nhân văn sống” đó là những ký ức lưu truyền trong dân gian của những người cao tuổi sinh ra ở thời điểm trước năm 1945. Đặc biệt là nguồn tư liệu về niềm tin tôn giáo và ý thức tạo lập bản sắc văn hóa dân tộc của một bộ phận, cá nhân trong xóm Trám chính là tác nhân đưa đến sự đồng thuận trong phục hồi lễ hội.

Sau một thời gian dài lễ hội bị gián đoạn là do chiến tranh và quan niệm sai lầm trong suy nghĩ của một bộ phận người dân cho rằng: Trò Trám là tục tĩu đáng xấu hổ. Con cháu trong phường Trám thường bị chê bai, bởi có lễ hội mang tính “dâm tục”. Điều này, khiến cho người xóm Trám dù muốn phục hồi lễ hội nhưng vẫn còn e ngại. Nhận nhiệm vụ của chính quyền sở tại và cũng là để hiện thực hóa niềm

mong mỏi của bà con xóm Trám, ngày 3/2/1993, xóm Trám tổ chức hội nghị toàn dân trong xóm họp bàn về việc phục hồi lại lễ hội Trò Trám. Hội nghị đã đi đến thống nhất: Công việc phục hồi lễ hội là nhiệm vụ chung của toàn xã. Tuy nhiên, đây là vốn văn hóa cổ truyền của ông cha phường Trám để lại nên phường Trám chịu trách nhiệm chính về nhân sự, mỗi cá nhân trong phường phải có trách nhiệm góp một phần nhân lực, vật lực để phục hồi và bảo tồn các giá trị di sản văn hóa quý báu này

2.2. Quá trình triển khai phục hồi lễ hội Trò Trám

Hành trình này xuất phát từ hai quan điểm đối lập nhau trong việc đồng tình hay phản đối việc phục hồi Trò Trám. Ngay chính trong nội bộ đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã cũng như một số cá nhân xóm Trám đã kịch liệt phản đối về việc phục hồi lại lễ hội xuất phát từ nguyên nhân hiểu sai về mục đích và ý nghĩa của lễ hội. Một bộ phận người dân có quan điểm cho rằng, lễ trình trò “tứ dân chi nghiệp” trong hội Trò Trám không phải là trò tốt đẹp gì; những người trình diễn chỉ mượn rượu để làm trò đùa, trêu ghẹo đàn bà con gái chứ không thể hiện được nét đẹp văn hóa giống như các hội làng khác. Hơn nữa, lễ hội Trò Trám không phải là lễ hội chung của cả làng mà là của xóm Trám nếu phục hồi chỉ được tiếng của xóm Trám, với các xóm còn lại trong xã không được quyền lợi gì.

Việc phục hồi lễ hội được tiến hành sau nhiều cuộc họp bàn bạc và thỏa hiệp giữa hai bên để cuối cùng đi đến thống nhất. Ban xây dựng miếu Trám được thành lập, công việc cụ thể được phân công cho từng thành viên. Kinh phí phục hồi miếu Trám do Ủy ban nhân dân xã chi trả, mọi chi tiêu đều được công khai, minh bạch và có sự giám sát, theo dõi của các thành viên trong ban tổ chức. Đồng thời, các cụ phụ lão cũng phối kết hợp với chi bộ, các chi hội trưởng (Hội người cao tuổi, cựu chiến binh, phụ nữ, đoàn thanh niên) để phân công công việc cho từng người trong xóm tham gia vào việc xây dựng miếu, làm vật linh cũng như tập trò.

Từ những cuộc đối thoại giữa chính quyền với nhân dân qua các buổi thảo luận tại hội trường Ủy ban nhân dân xã đến việc cộng sinh giữa chính quyền các cấp với người dân thông qua phương thức phân công nhiệm vụ cho từng người để thực hiện tốt nhiệm vụ của chính quyền tỉnh giao phó. Kết quả của việc phục hồi lễ hội năm 1993 đã bước đầu mang lại niềm vui chung cho cả chính quyền xã và cộng đồng.

2.3. Khái quát kết quả phục hồi lễ hội Trò Trám năm 1993

2.3.1. Về xây miếu

Theo lời các cụ bô lão và những thành viên tham gia phục hồi lễ hội Trò Trám năm 1993 kể lại: Ngày mùng 6 tháng 2 năm Quý Dậu (1993), miếu Trò chính thức được khởi công xây dựng. Thay mặt Ủy ban nhân dân xã, ông Nguyễn Xuân Vân - Phó chủ tịch Mặt trận Tổ quốc cuộc nhất cuộc đầu tiên động thổ. Nhân dân trong xóm đóng góp ngày công lao động, tham gia xúc đất ở dưới ao lên đắp nền miếu và phụ giúp các công việc trong quá trình xây dựng. Đồng thời, việc phục hồi lễ hội Trò Trám đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để quay phim tư liệu phục vụ công tác nghiên cứu, trưng bày tại Bảo tàng Hùng Vương.

Miếu Trám được xây dựng theo lối kiến trúc phương đình (1 gian hai trái), với một bức tường hậu, còn ba mặt (hai bên trái, phải và trước) để trống. Bên trong miếu có gác lửng nhỏ gọi là *hậu cung* làm nơi cất giữ “vật linh” và đặt lễ vật dâng cúng. Các cấu kiện gỗ được làm đơn giản theo kiểu bào trơn đánh bóng chứ không chạm trổ trang trí cầu kì như các ngôi đình, đền khác trong vùng. Hệ thống chịu lực chính là hai hàng cột chạy dọc hai bên.

Với diêm Trám được xây mới theo kiểu 3 gian, đầu hồi bít đốc, mái lợp ngói, bên trong có đặt bát hương làm nơi thờ thần Thổ địa của làng. Sự chuyển đổi chức năng thờ tự so với ban đầu là thờ nữ thần nông nghiệp Ngô Thị Thanh sang thờ thần Thổ địa với quan niệm là trước đây đã đưa Bà vào thờ trong miếu Trám nên không chuyển về thờ ở đây nữa. Sự lựa chọn này được họp bàn giữa những người cao tuổi với nhau và có cả sự tham khảo của nhà chùa, thầy cúng nên được dân làng chấp thuận.

2.3.2. Về nghi lễ

Trong lễ hội gồm có hai phần: Lễ và hội, hai phần này không tách rời nhau trong không gian của di tích. Tuy nhiên, với lễ hội Trò Trám, do quá trình phục hồi tiến độ không kịp hoàn thành nên phần nghi lễ đã phải tách khỏi môi trường di tích. Song song với việc xây dựng miếu Trò, việc tập luyện các trò diễn “tứ dân chi nghiệp” cũng được tiến hành. Trải qua gần một tháng tập luyện, ngày 22 tháng 2 năm Quý Dậu, lễ hội chính thức được thực diễn. Ban quản lý khu di tích đền Hùng tổ chức quay phim làm tư liệu.

Ngay từ sáng hôm trước, mọi công tác chuẩn bị lễ hội đã hoàn thành, ngõ xóm được quét dọn sạch đẹp. Những người tham gia phục vụ lễ hội đều có mặt đầy đủ và sẵn sàng hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Buổi chiều, người dân trong làng tự tổ

chức các trò chơi dân gian, như: Chọi gà, cờ bỏi, kéo co, vật, đánh tổ tôm điếm, đu tiên, bắt vịt dưới ao, leo cầu tre treo dây... Đến 6 giờ chiều, lễ vật gồm thủ lợn, xôi nếp được mang đến điếm Trám để cúng tế thần linh và làm lễ tế cáo trời đất, sơn thần, thổ địa, thành hoàng bản cảnh. Do miếu chưa lợp mái, bên trong lại còn thiếu các đồ thờ và chưa làm lễ an vị nên khi tổ chức nghi thức “lễ mật” không được thực hành tại miếu cũng không khôi phục lại lễ “tháo khoán”.

Kể từ năm 1996 trở đi, “lễ mật” được diễn ra tại miếu Trám ở trước án gian thờ. Giờ “lễ mật” được xem là linh thiêng, huyền bí và quan trọng nhất trong 2 ngày diễn ra lễ hội Trò Trám. Đúng giờ Tý (12 giờ đêm), cụ từ thấp hương xin phép nữ thần Ngô Thị Thanh lấy vật linh ra làm lễ. Người con trai cầm Linga, người con gái cầm Yôni. Đền nến tắt, cụ từ hô: “linh tinh tình phộc”, hai người cầm “vật linh” liền nói: “thì chọc vào nhau”. Sau đó ngay tức thì, người con trai cầm Linga chọc vào lỗ của Yôni do cô gái cầm. Động tác này diễn ra trong 3 lần. Nếu người con trai chọc trúng lỗ 3 lần, người dân quan niệm, năm đó sẽ được mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu, người an vật thịnh và ngược lại, nếu không chọc trúng lỗ là điềm thần mách báo trước, trong năm có nhiều điềm xấu sẽ đến với dân làng.

Vào dịp lễ hội đầu xuân năm 2011, phần lễ “tháo khoán” mới chính thức được phục dựng theo yêu cầu của đài truyền hình Việt Nam để quay phim lấy tư liệu.

Sang ngày hôm sau (12 tháng Giêng), vào lúc 8 giờ sáng là lễ tế đôn và lễ rước lúa thần. Sau khi tế xong, đến phần trò “tứ dân chi nghiệp” được trình diễn tại sân miếu. Năm 2007, quần thể miếu Trò và điếm Trám được UBND tỉnh Phú Thọ cấp bằng di tích lịch sử văn hóa. Vào ngày 21 tháng 11 năm 2016 khi luận văn đang được thực hiện thì xã Tứ Xã cũng nhận được thông báo Trò Trám được nằm trong danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Ngày 8 tháng 2 năm 2017 xã Tứ Xã đã vinh dự được đón bằng công nhận lễ hội Trò Trám là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Đây không chỉ thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước; của các cấp các ngành quản lý văn hóa mà còn thể hiện sự nhận thức đúng đắn của chính quyền địa phương về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng.

2.3.3. Về trò diễn

Sáng hôm sau trò diễn được bắt đầu:

Mở đầu trò diễn ông Tuy tay cầm loa làm bằng cái nắn (đó) đem cá có dán giấy đỏ vung lên tứ phía miệng nói: *Ói loa... loa... loa, loa loa loa... xin mời bà con hàng xóm dẫn ra để cho phường Trám tôi ra trình trò*. Dứt tiếng loa của ông Tuy là

ông Ngữ đi ra hai tay cầm cái biển trên có bốn cái mẹt tròn giữa dán giấy đỏ hình vuông ghi bốn chữ “tứ dân chi nghiệp” bằng chữ Hán. Anh Nguyễn Văn Sinh hai tay ôm đàn làm bằng mẹt và giăng côi xay đi ra tay vặn đàn miệng nói: *Két... két... két... kiết cò lữ sinh sàng, phùng phưng phưng phùng phưng*. Sau đó anh cất tiếng hát: *Ồi ời ời a không đâu vui bằng phùng ta, bước sang năm mới tôi ra trình trò...* sau mỗi câu hát của anh những nhân vật khác lại để thêm tiếng “*uế*” phía sau.

Người vào vai vua Thuấn đi cày là cụ Nguyễn Quang Toàn một tay cầm roi, một tay cầm cày (không có lưỡi) dẫn con voi do hai người đóng giả bước ra trình diễn.

Thầy đồ dạy học là ông Nguyễn Văn Hữu cùng các học trò ra sân, thầy mặc áo the khăn xếp một tay cầm sách một tay cầm roi vừa đi thi thoảng thầy lại giơ roi quay lại phía học trò.

Tốp thợ cày gồm cô Cửu, cô Thành, cô Xuyên, cô Tuyết, cô Hồng trên vai mỗi người gánh hai bó mạ tay đưa chân nhún vừa đi vừa hát: *Đi cày thì gốc chổng lên, ngọn thời cắm xuống mới nên mùa màng*.

Tốp thợ mộc gồm: Ông Khương thợ cưa, ông Tiếp thợ bện, ông Đông, An thợ xẻ. Hai nhóm thợ mộc và thợ cày cùng nhau hát ví, hát đối đáp với nhau rất vui vẻ.

Vai mua xuân bán xuân được chị Hoàng Thị Tĩnh đóng gánh trên vai đôi mẹt trên có đề chữ “mãi xuân” bằng chữ Hán với dáng đi yếu điệu quanh khán giả vừa đi vừa rao: *Ai mua xuân nào? Ai mua xuân đi?... Ông Dương Văn Bằng* trong vai người đánh lờ, trên vai gánh mỗi bên ba cái lờ vừa đi vừa hát. Trông điệu bộ của ông khiến khán giả ai cũng ôm bụng mà cười.

Người đi câu cá, ếch là ông Nguyễn Văn Tuất thắt lưng đeo một cái giỏ, tay cầm cái cần câu, đầu sợi dây câu buộc con mồi bằng giấy. Ông vừa đi vừa hát, đồng thời tay buông câu thả mồi vào khán giả.

Tốp kéo sợi quay tơ cũng do các cô nhóm đi cày đóng, một cô vác guồng quay sợi bốn cô theo sau. Các cô vừa làm động tác kéo sợi vừa hát điệu hát xoan.

Sau khi tất cả các vai đã diễn xong thì cả đoàn trò cùng đi ra giữa sân vừa hát chung một bài vừa để chào khán giả kết thúc buổi trình trò “tứ dân chi nghiệp”.

Sau khi buổi trình diễn kết thúc chính quyền cùng bà con xóm Trám có tổ chức một bữa ăn liên hoan khoảng 30 mâm cỗ. Tuy chỉ là bữa liên hoan đạm bạc nhưng bà con ai cũng vui mừng phấn khởi vì buổi lễ thành công tốt đẹp.

Tiểu kết chương 2

Lễ hội Trò Trám được phục hồi đã phần nào đáp ứng được nguyện vọng của bà con nhân dân xóm Trám. Tuy vẫn còn có những cái chưa được, chưa thỏa lòng nhiều cá nhân nhưng cũng phải ghi nhận rằng, đây là kết quả của sự phối hợp đồng lòng, đồng sức giữa chính quyền và nhân dân xã Tứ xã. Nhà nước và cộng đồng cùng nỗ lực phục hồi, gìn giữ vốn văn hóa cổ truyền của ông cha. Hàng năm, lễ hội được duy trì nhằm thỏa mãn nhu cầu của bà con và du khách thập phương.

Phát triển là quy luật tất yếu của bất cứ xã hội nào và nó sẽ kéo theo nhiều thay đổi khác, trong đó thay đổi văn hóa là vấn đề cốt lõi. Văn hóa không phải là hiện tượng tĩnh mà nó luôn thay đổi đa dạng theo chiều động. Những thay đổi lại phụ thuộc vào sự lựa chọn của chính cộng đồng chủ thể văn hóa đó. Trò Trám hôm nay đã có rất nhiều thay đổi cùng với những biến động của kinh tế - xã hội, lễ hội không còn gói gọn trong một xóm mà đã được mở rộng ra toàn xã. Người dân đã dần dần tiếp nhận nó như một phần tất yếu trong cuộc sống của họ dù đâu đó vẫn còn những ý kiến chưa thống nhất.

Lễ hội phục hồi được là nhờ vào ký ức của người dân xóm Trám còn mạnh mẽ, tổ chức và ý thức cộng đồng bền chặt. Trong quá trình phục hồi lễ hội Trò Trám vai trò của chính quyền, của đảng và các tổ chức được phát huy mạnh mẽ. Khoảng cách cá nhân, xóm làng được xóa bỏ, con người xích lại gần nhau hơn, đồng thời việc phục hồi lễ hội Trò Trám cũng tạo tiền đề cho nhiều hoạt động khác sau này của bà con nhân dân Tứ Xã.

Chương 3: LỄ HỘI TRÒ TRÁM VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ BÀN LUẬN

3.1. Bàn luận về vai trò của các bên trong việc phục hồi và tổ chức lễ hội

Lễ hội trò trám được phục hồi đã đáp ứng phần nào nhu cầu văn hóa tâm linh của bà con nhân dân tứ xã nói chung cũng như bà con xóm Trám nói riêng. Thực tế cho thấy việc phục hồi lễ hội còn rất nhiều vấn đề cần thảo luận, hoàn thiện tuy nhiên phải thừa nhận rằng lễ hội được phục hồi đã tác động rất lớn đến đời sống của người dân. Đời sống tinh thần được đáp ứng và kéo theo là sự phát triển của kinh tế hơn nữa nó giúp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống ... từ kết quả cho thấy việc phục hồi lễ hội Trò Trám là cần thiết và khẳng định được định hướng đúng đắn của nhà nước cũng như vai trò tích cực của người dân.

Xuyên suốt quá trình phục hồi lễ hội Trò Trám cho thấy, việc phục hồi được triển khai theo hướng chính quyền địa phương là đơn vị đứng ra tổ chức, đầu tư kinh phí, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, BQL di tích đền Hùng hỗ trợ về chuyên môn, sưu tầm, viết kịch bản và giàn dựng chương trình, người dân tham gia với vai trò là “diễn viên” có thù lao hoặc khán giả. Cách làm này đã thành công ở việc tổ chức lễ hội qui mô, bài bản nhưng vai trò của cộng đồng bị mờ nhạt chưa phát huy được tính tự chủ trong công tác phục hồi.

Vai trò của nhà nước thể hiện rất rõ bắt đầu từ việc UBND tỉnh đưa công văn về huyện, huyện chuyển về xã và xã ra quyết định cho xóm thực thi.

Lúc đầu cơ quan cấp tỉnh, huyện chỉ có vai trò chỉ đạo chung còn lại thực tế giao cho chính quyền địa phương và cư dân sở tại. Chính quyền địa phương chịu trách nhiệm về kinh tế an ninh và tổ chức, quyết định mọi vấn đề trong việc phục hồi lễ hội còn cộng đồng là những người thực thi các công việc theo chỉ đạo và phân công của chính quyền. Vai trò của các cụ bô lão được chú trọng tuy nhiên vẫn chưa có tính quyết định chủ đạo. Càng về sau nhất là trong công tác tổ chức lễ hội thì sự phối hợp giữa nhà nước và cộng đồng ngày càng có sự ăn ý và chặt chẽ hơn, vai trò của nhà nước được nâng cao nhưng đồng thời cũng không làm mờ nhạt đi vai trò của cộng đồng. Cộng đồng đã làm chủ, bảo tồn và trao truyền nghi thức, tập tục, trò diễn. Nhà nước (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chính quyền các cấp) thực sự chỉ giữ vai trò bảo trợ, hỗ trợ về kinh phí, an ninh, động viên và khích lệ cộng đồng tự bảo tồn

các giá trị văn hóa và sáng tạo văn hóa của mình. Chính sự phối hợp này đã khiến cho lễ hội Trò Trám có được sức sống bền bỉ và mãnh liệt.

Việc triển khai phục hồi lễ hội có một phần đóng góp không nhỏ của cá nhân trong đó có nhà nghiên cứu văn hóa dân gian ở địa phương là ông Dương Văn Thâm. Những bài viết của ông khảo tả về lễ hội Trò Trám thông qua phỏng vấn hồi cố về quy trình lễ hội. Đây là những cứ liệu mang tính văn hóa, lịch sử vô cùng quý báu về lễ hội Trò Trám trước năm 1945.

Bên cạnh đó cũng có sự đóng góp của nhà nghiên cứu biểu tượng học Dương Đình Minh Sơn đã giúp người dân kể lại hình thù cũng như cách thức thực hành nghi lễ “linh tinh tình phộc” vào đêm 11 tháng Giêng.

Ngoài ra, ông Đặng Hoàn Loan cũng đóng góp không nhỏ tới việc phục hồi lễ hội. Trong đợt tổ chức lễ hội năm 2001 Viện Nghiên cứu Âm nhạc đã tổ chức đưa các nghệ nhân về Viện để thu âm, ghi hình lưu lại, góp phần bảo tồn lễ hội Trò Trám.

3.2. Bàn luận về việc tổ chức trình diễn ngoài địa phương

Ngày 9 tháng 3 năm 1993, đội trò “Tứ dân chi nghiệp” được Ban quản lý di tích Đền Hùng đưa lên trình diễn phục vụ lễ giỗ tổ Hùng Vương. Tiết mục trình diễn của đội trò rất hấp dẫn với du khách thập phương về dâng hương các vị vua Hùng. Việc phục hồi lễ hội Trò Trám đã thành công, báo đài đưa tin, viết bài khiến cho lễ hội được công chúng biết đến nhiều hơn. Từ khi phục hồi năm 1993 cho đến nay, năm nào tỉnh Phú Thọ cũng mời đội trò tới đền Hùng trình diễn vào dịp lễ hội ngày mùng 10 tháng 3; đồng thời cũng có nhiều cơ quan tổ chức mời đội trò đi trình diễn như Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Thanh Hóa.

Khi mới phục hồi lễ hội có sự thống nhất giữa chính quyền và nhân dân nên mọi việc đều diễn ra tốt đẹp. Càng về sau, nhất là khi di tích được công nhận là di tích cấp tỉnh, đội trò chính thức được thành lập, dưới sự quản lý của ba cấp: Cấp xã, huyện và tỉnh thì mọi phức tạp đã bắt đầu nảy sinh. Những chủ thể văn hóa của lễ hội đã có những đòi hỏi về quyền lợi mỗi khi huyện hay tỉnh điều động họ đi biểu diễn phục vụ ở đâu đó. Với những người dân quê quanh năm không ra khỏi lũy tre làng thì lúc đầu họ thích vì được đi đây đi đó. Nhưng khi kinh tế phát triển, đời sống của người dân khá hơn, họ lại so sánh thù lao của một ngày đi biểu diễn với một ngày

công lao động tại địa phương là 200.000đ, còn tiền thù lao cho người đi biểu diễn trình trò “tứ dân chi nghiệp” chỉ được nhận 100.000đ/người/ngày. Những người đi biểu diễn thấy tiền thù lao ít lại mất công, mất việc nên họ cũng không còn thiết tha với việc đi trình diễn nữa.

Cách nhìn nhận của chính quyền địa phương cũng là một trong những nhân tố tác động đến việc phục hồi và tổ chức lễ hội Trò Trám. Vấn đề cơ bản là vị lãnh đạo cấp xã đương nhiệm thuộc người của HTX nào. Lãnh đạo là người của HTX làng dưới nơi có lễ hội Trò Trám thì lễ hội được triển khai theo quy mô lớn. Ngược lại, lãnh đạo là người không phải HTX làng dưới thì sự nhiệt tình của họ về vấn đề phục hồi di tích và tổ chức mở hội có phần thiếu nhiệt tình. Nếu xét trên bình diện xã hội, tuy lễ hội Trò Trám là tài sản chung của toàn xã nhưng về trách nhiệm thì vẫn là các hộ dân xóm Trám. Tuy lãnh đạo xã đứng ra tổ chức nhưng cũng chỉ mang tính chất trách nhiệm và phong trào chung, còn mọi việc đều do xóm Trám thực hiện, nếu có thiếu nhân sự thì chính quyền xã mới điều động nhân lực của các xóm khác đến trợ giúp.

Có thể nói, việc đi diễn ở các nơi cũng dẫn đến nảy sinh nhiều bất cập giữa các thành viên trong đội trò với người quản lý. Khi đi trình diễn ở các địa điểm xa người quản lý phải căn cứ vào kinh phí chi trả theo yêu cầu của bên thuê, phương tiện đi lại để lựa chọn số lượng diễn viên và các tích trò biểu diễn cho phù hợp. Do đó sẽ có lúc đi được nhiều người có lúc chỉ đi được ít người. Việc này, khiến cho những người không được đi lần này lại tự ái không tham gia biểu diễn phục vụ cho lễ hội của làng nữa. Câu chuyện về “con gà túc nhau tiếng gáy” cứ vẫn kéo dài triền miên đến tận cả cuộc sống thời hiện đại mà vẫn chưa chấm dứt được, bởi nó còn phụ thuộc nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan.

3.3. Những thay đổi của lễ hội sau phục hồi

Về sự thay đổi của lễ hội sau khi phục hồi là vấn đề hết sức khó nói bởi không có văn bản nào để làm căn cứ chứng minh. Chỉ riêng câu chuyện phục hồi phần “lễ mật” diễn ra trong đêm 11 tháng Giêng cũng đã xảy ra rất nhiều quan điểm trái ngược nhau. Có cụ thì cương quyết không phục hồi phần nghi lễ này vì nó trái với thuần phong mỹ tục, đó là trò bậy bạ; thậm chí sau khi lễ hội được phục hồi phần nghi lễ này vẫn tồn tại nhiều ý kiến không đồng nhất.

Trong lễ hội được phục hồi lại vào năm 1993 các vai diễn đã có sự thay đổi về giới tính. Lễ hội Trò Trám thời trước năm 1945, những vai nữ đều do con trai đóng giả. Hiện nay trong tiết mục trình trò “tứ dân chi nghiệp”, các nhân vật đóng vai thợ cấy, kéo sợi quay tơ, bán xuân đã được chị em đảm nhận thay cho những người nam giới đóng giả nữ như trước đây.

Ngoài ra, những câu hát trong trò diễn cũng đã có thêm một số lời mới và lược bỏ bớt những lời cũ mà đạo diễn cho là không nên đưa vào, bởi nó mang tính khơi gợi sự dâm tục. Việc bớt lời cũ cũng đã gây ra sự tranh luận gay gắt giữa đạo diễn phục hồi trò với các cụ bô lão trong xóm. Phía đạo diễn kịch bản lễ hội thì muốn cải biên cho phù hợp, còn các cụ trong làng muốn giữ nguyên, bởi đó là văn hóa làng. Đạo diễn kịch bản lễ hội đưa ra sự giải thích cho việc bỏ bớt một số câu hát có lời thô tục, vì ông cho rằng khi đi diễn ở đền Hùng, trước mặt quốc tổ không nên hát những câu như vậy. Còn ý kiến các cụ lại muốn vốn có của nó như thế nào thì để nguyên như vậy không thay đổi.

Sau phục hồi, yếu tố thiêng trong thực hành nghi lễ cũng không còn giữ được như trước đây. Cả người chủ lễ lẫn người thực hành cũng đều chú trọng đến “Cái Tục” hơn là “Cái Thiêng” của nghi lễ. Trước kia, phần “lễ mật” có tắt đèn, nến, ai muốn làm gì trong đêm tối ấy thì làm nhưng không hề gây ra sự ồn ào, nó thể hiện tính thiêng của tục hèm được ẩn nấp trong chiếc áo khoác của nghi lễ thực hành tôn giáo. Ngày nay, phần nghi lễ này, tuy vẫn tắt đèn điện nhưng khi hành lễ có nhiều máy ảnh, điện thoại chụp ảnh phát ra ánh sáng và máy quay video của đài truyền hình, các viện nghiên cứu,... nên “Cái Tục” của nghi lễ đã vượt quá “Cái Thiêng”. Để có được những thước phim hay, những bức ảnh đẹp phục vụ cho việc nghiên cứu, làm kỷ niệm hay đăng tải trên báo đài, trên mạng internet, mạng xã hội facebook để câu like,...; thậm chí họ còn có thể chen lấn xô đẩy nhau ngay trong khi thực hành “lễ mật”.

Mục đích diễn trò cũng hướng đến phục vụ khách thập phương nên thay vì chỉ diễn trò vào ngày 12 tháng Giêng như trước đây. Từ ngày di tích miếu Trám được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh vào năm 2007, Ban tổ chức lễ hội quyết định vào tối 11 tháng Giêng biểu diễn tích trò “tứ dân chi nghiệp” phục vụ khách thập phương, sáng ngày 12 tháng Giêng thì biểu diễn phục vụ bà con trong xã đến xem.

Tiệc ăn uống sau lễ hội cũng có sự thay đổi trước đây sau khi tan hội bà con trong phường tổ chức ăn uống chỗ ngồi và mâm cỗ phân theo ngôi thứ cao thấp. Nhưng hiện nay bữa ăn được làm vào đêm hôm 11 sau khi tiến hành “lễ mật” xong lễ sẽ được hạ xuống cho nhân dân thụ lộc. Việc sắp xếp chỗ ngồi không còn phân theo ngôi thứ hay chức tước như dưới thời phong kiến mà ai gặp đâu thì ngồi đó. Tuy nhiên lãnh đạo các cấp thì vẫn được chú trọng xếp ngồi vào một mâm riêng và được cụ thủ từ tiếp đón trọng thị.

Việc quản lý hòm công đức hiện nay trong các di tích cũng là vấn đề được nhiều người quan tâm. Năm 1996, miếu Trám có đặt hòm công đức ở trong đền và năm đó thu được 1.900.000đ, giao nộp cho thủ quỹ. Từ năm 1997 - 2004, trong miếu không đặt hòm công đức nhưng từ năm 2005 đến nay, Ban quản lý di tích miếu Trám đã đặt hòm công đức trở lại để nhân dân và khách thập phương quyên góp tiền. Sau mỗi năm tổ chức lễ hội, số tiền công đức sẽ được công bố công khai với dân làng và được giữ lại để phục vụ cho việc tổ chức lễ hội năm sau.

Lễ hội trước đây chỉ là của riêng xóm Trám nhưng khi phục hồi xã là cơ quan đứng ra tổ chức, lễ hội đã phần nào mang tính xã hội hóa. Tuy nhiên, xã chỉ quản lý về mặt nhà nước, còn mọi việc vẫn là giao cho xóm sở tại. Về sau, lễ hội được mở rộng ra toàn xã lực lượng tham gia cũng được mở rộng hơn, khi cần xã có thể huy động nhân lực của các khu hành chính từ đội tế, đội rước, đội trò. Riêng đội trò gần như vẫn chỉ có người xóm Trám đến mấy năm gần đây mới có thêm một số nhân vật lấy từ xóm khác. Một số các hoạt động, vui chơi giải trí cũng được đưa thêm vào lễ hội như múa sư tử, bóng chuyền, cờ người,... do số lượng khách tham dự hội ngày càng đông nên xã phải bố trí lực lượng giữ gìn trật tự, an ninh cho lễ hội đảm bảo cho mọi hoạt động của lễ hội diễn ra tốt đẹp.

Tiểu kết chương 3

Sau những “va chạm” giữa chủ thể văn hóa với nhà nước và chính quyền địa phương, cuối cùng lễ hội Trò Trám cũng được phục hồi theo nội dung của kịch bản do Bảo tàng Hùng Vương soạn ra.

Quy trình phục hồi di tích mang tính “liên cấp”, với nhiều cơ quan chủ quản đồng phối hợp tổ chức đã dẫn đến nhiều ý kiến chông chéo nhau và đã dẫn đến nhiều câu chuyện mâu thuẫn trong quá trình tổ chức lễ hội. Mặt khác, do ít thời gian và kinh phí xây dựng nên chất lượng công trình và nội dung lễ hội cũng không được như mong muốn. Chỉ sau 7 năm xây dựng miếu, công trình kiến trúc tâm linh đã bị hư hỏng và đã phải làm lại bằng các nguồn kinh phí khác nhau cũng đã dẫn đến nhiều mâu thuẫn trong nội bộ.

Sau khi lễ hội Trò Trám được phục hồi, hàng năm đều có tổ chức lễ hội với quy mô khác nhau. Năm 2007, di tích miếu Trám được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh nên vị thế lễ hội Trò Trám càng được nhiều người biết đến thông qua các phương tiện truyền thông và công chúng; những nghệ nhân dân gian của lễ hội này đã “xuất quân” đi biểu diễn ở nhiều nơi. Do tác động của kinh tế thị trường cùng với cơ chế vận hành của Ban quản lý cấp xã đã tác động không nhỏ đến nhận thức của người dân, khiến cho lễ hội Trò Trám ít nhiều đã bị suy giảm “tính thiêng” và mang hơi thở của tính “đời thường” vào trong lễ hội.

KẾT LUẬN

Di sản văn hóa của một làng là do cộng đồng của làng đó tạo dựng, lưu truyền và phát triển đều dựa trên nền tảng của điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa - xã hội và phong tục tập quán tín ngưỡng tôn giáo. Trải qua những cung bậc thăng trầm của lịch sử và cả nhận thức của nhà nước ở mỗi thời điểm khác nhau nên có di tích, lễ hội được phát phát triển theo quy mô các cấp. Bên cạnh đó cũng có nhiều di tích rơi vào thảm cảnh bị gián đoạn; thậm chí là mất đi hay chuyển hóa sang một hình thức khác cho phù hợp.

Lễ hội Trò Trám xã Tứ Xã cũng không nằm ngoài vòng xoáy nêu trên nên nó bị gián đoạn gần 50 năm. Nguyên nhân dẫn đến việc này có cả chủ quan và khách quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là trọng yếu. Trong giai đoạn từ năm 1945 - 1957, miếu Trám bị xiêu vẹo như ngọn cỏ lau trước cơn đại phong của chiến tranh và chính sách “Cải cách văn hóa” của nhà nước ta. Những tác nhân này không chỉ làm “đứt gãy” mạch nguồn văn hóa làng ẩn chứa trong lễ hội mà còn dẫm đạp lên cả thánh thần mà người dân hàng ngàn đời nay vẫn tiếp tục trao truyền cho nhau để thờ cúng và thực hành nghi lễ. Miếu Trò và diêm Trám có thời gian bị chuyển hóa làm nơi cất giữ phân bón, trường học, nơi nhốt gia súc hay làm sân chiếu bóng... Thậm chí nó còn trở thành nguyên nhân tranh chấp mâu thuẫn giữa nhà nước và người dân để giành giật nhau từng khúc gỗ, viên ngói, bức tường, nắm đất để phục vụ cho mục đích riêng của mỗi bên.

Nhờ có luồng gió mới trong chính sách cải cách mở cửa của nhà nước ta và sự hội nhập toàn cầu đã trở thành cái phao cứu cánh cho nhiều di tích, lễ hội. Hội làng được phục hồi, người dân được tự do công khai thể hiện niềm tin tôn giáo của mình. Sau gần 50 năm bị gián đoạn, năm 1993, lễ hội Trò Trám được phục hồi và đi liền với nó là cơ sở thờ tự, đồ thờ cũng được tu sửa, xây mới ngày càng khang trang hơn. Người dân địa phương đã có nơi để thấp hương, khẩn cầu và thể hiện niềm tin tín ngưỡng của mình với đấng siêu nhiên mà không phải thấp hương vụng trộm hay khẩn nôm vào những đêm tối hoang vắng như trước đây nữa.

Để có được lễ hội như ngày hôm nay, các cấp, các ngành quản lý văn hóa đã cùng với người dân địa phương phải trải qua một giai đoạn tương đối vất vả nhưng đã

rút ra được nhiều bài học cho cả nhà nước lẫn người dân. Vào những thời gian đầu xây dựng ý tưởng phục hồi lễ hội, chính quyền và nhân dân đã phải đối đầu nhau thông qua các cuộc đối thoại kéo dài, thậm chí còn có đơn từ khiếu nại lên các cấp về việc phản đối phục hồi lễ hội Trò Trám với hai lý do cơ bản Trò Trám là trò bậy bạ, nhây nhả và Trò Trám là của một xóm, không phải tài sản chung của cộng đồng toàn xã nên không đồng tình cho phục hồi. Những mâu thuẫn nảy sinh giữa nhà nước/chính quyền với người dân đã có từ lâu và âm ỉ cháy cùng theo thời gian đến nay nó mới được bùng phát dưới hình thức gọi là “tự do dân chủ” lấy ý kiến tham khảo của người dân.

Qua nhiều lần đối thoại của chính quyền các cấp, nhà quản lý văn hóa và một số người dân tâm huyết với vốn văn hóa dân tộc đã kiên trì thuyết phục người dân và cuối cùng từ cuộc đối đầu trong “đối thoại” đã dẫn đến “cộng sinh”, chính quyền và nhân dân cùng đóng góp sức người, sức của để phục hồi lễ hội nhằm trao truyền giá trị văn hóa cho các thế hệ mai sau. Để có được kết quả này, những người làm lãnh đạo cấp xã đã phải dung hòa cả hai cấp, đó là cấp trên/lãnh đạo và cấp dưới là người dân xóm Trám. Khi tìm hiểu những câu chuyện phục hồi lễ hội Trò Trám phục vụ cho viết luận văn, một cán bộ xã đã nói với tôi rằng, “giúp được gì cho xã thì hãy giúp. Còn việc bói móc ra những vấn đề tế nhị trước đây của chính quyền xã với dân trong phục hồi lễ hội thì không nên”. Điều này cũng đồng quan điểm với nhà nhân học Anita “tính tò mò của nhà nhân học cũng phải có giới hạn”.

Việc phục hồi lễ hội Trò Trám đã đáp ứng được nguyện vọng và nhu cầu về đời sống văn hóa tinh thần của người dân địa phương. Điều này thể hiện rõ sự quan tâm của Đảng và nhà nước. Tuy nhiên, lễ hội làng cũng giống như một xã hội thu nhỏ, nếu các nhà quản lý văn hóa ở địa phương thiếu quan tâm thì rất dễ xảy ra tình trạng làm biến đổi đi nhiều các giá trị ý nghĩa văn hóa và biểu tượng ban đầu của nó, khiến cho người ngoài cộng đồng hiểu sai về bản chất của văn hóa nói chung và hội làng nói riêng. Đồng thời, cách thức quản lý lễ hội theo kiểu “nâng cấp” từ một lễ hội chỉ diễn ra ở làng nay đã vươn ra ngoài địa phương như thế này đã khiến người dân dần dần “quên” đi vai trò chủ thể sáng tạo văn hóa của mình, đồng thời, ỷ lại vào sự tài trợ của nhà nước. Tâm lý chung là nếu cộng đồng phải tham gia một phần nào đó

trong lễ hội thì nhà nước phải chi tiền, bởi họ coi việc đi trình diễn ở bên ngoài địa phương không phải là công việc của họ nữa. Điều đáng nói ở đây, lễ hội Trò Trám rất nổi tiếng với người dân cả nước thậm chí cả với người nước ngoài nhưng với người dân Tứ Xã nó nổi tiếng hay không không ảnh hưởng nhiều đến họ. Mặc dù nhận thức đã có sự thay đổi nhưng suy nghĩ hằn sâu trong tâm thức của một số người hiện nay vẫn cho rằng lễ hội Trò Trám là trò tục tĩu, và nó chỉ là của riêng xóm Trám. Chính từ những nếp nghĩ hằn sâu như vậy, nên họ thường dửng dưng về trách nhiệm của bản thân với lễ hội này. Ngược lại, với các lễ hội khác của làng hay những công việc liên quan đến đình, chùa thì họ rất nhiệt tình tham gia và tích cực đóng góp tiền công đức. Đây là một hệ quả đi ngược lại với đường lối và chủ trương xã hội hóa văn hóa của Đảng và nhà nước.